

Máy hiệu chuẩn đa năng ghi dữ liệu Fluke 754 Hart

Tính năng chính

Làm việc thông minh hơn. Làm việc nhanh hơn.

754 là một thiết bị hiệu chuẩn đa năng lập tài liệu mạnh mẽ, cho phép bạn tải xuống quy trình, danh sách và hướng dẫn được tạo bằng phần mềm hoặc tải lên dữ liệu để in, lưu trữ và phân tích. 754 còn có tính năng nổi bật là giao tiếp HART® tích hợp mạnh mẽ, có khả năng thực hiện gần như tất cả các tác vụ hàng ngày mà bạn đang thực hiện bằng máy giao tiếp riêng.

- Đo V, mA, RTD, cặp nhiệt, tần số và ohm để kiểm tra cảm biến, bộ chuyển đổi và các thiết bị khác
- Phát tín hiệu/mô phỏng (Source/Simulate) V, mA, cặp nhiệt, RTD, tần số, ohm và áp suất để hiệu chuẩn bộ chuyển đổi
- Cấp nguồn cho bộ chuyển đổi trong suốt quá trình kiểm tra bằng bộ nguồn và đo mA đồng thời
- Đo/cấp nguồn áp suất bằng bất kỳ mô-đun nào trong số 29 mô-đun áp suất của Fluke 700Pxx
- Tạo và chạy các quy trình kiểm tra trước/sau (as-found/as-left) tự động để đáp ứng chương trình chất lượng hoặc quy định công nghiệp. Lưu trữ và ghi tài liệu kết quả
- Lưu trữ quy trình đã tải xuống và kết quả hiệu chuẩn lên tới một tuần.
- Sử dụng nhiều tính năng như bước tự động, đơn vị tùy chỉnh, giá trị do người dùng nhập trong khi kiểm tra, đo kiểm công tắc một điểm và hai điểm, kiểm tra lưu lượng DP căn bậc hai, độ trễ đo có thể lập trình, v.v.
- Dễ sử dụng
- Bảo hành ba năm
- Màn hình hiển thị kép sáng rõ nét. Đọc cả tham số phát và tham số đo đồng thời.
- Giao diện đa ngôn ngữ
- Pin sạc Li-Ion để sử dụng trong 10 giờ liên tục. Bao gồm cả mô-đun áp suất.
- Xử lý các bộ chuyển đổi RTD có xung nhanh và PLC bằng các xung ngắn 1 ms.
- Được phân phối với phần mềm DPC/Track bản dùng thử Sample.
- Tương thích với nhiều gói phần mềm quản lý thiết bị (Asset Management).

Tính năng HART

754 được thiết kế để đảm nhiệm gần như tất cả các tác vụ hàng ngày mà bạn hiện đang thực hiện bằng bộ giao tiếp riêng. Trên thực tế, thiết bị này cung cấp khả năng giao tiếp của bộ giao tiếp HART 375.

- Không yêu cầu hộp phụ kiện bên ngoài hoặc dụng cụ thứ hai cho mọi việc hiệu chuẩn và bảo trì HART hàng ngày.
- Cung cấp giao tiếp HART nhanh chóng.
- Hỗ trợ các model phổ biến của bộ chuyển đổi HART với nhiều lệnh cụ thể theo thiết bị nhiều hơn bất kỳ máy hiệu chuẩn HART tại hiện trường nào khác.
- Hoạt động với các cấu hình như multi masters, chế độ truyền liên tục (burst mode) và đa điểm (multi-drop).
- Dễ dàng cập nhật khi các thiết bị mới được bổ sung và các phiên bản mới của HART được phát hành.
- Kiểm tra để xác định loại thiết bị, nhà sản xuất, model, thẻ (tag).
- Cấu hình lại bản đồ cảm biến của các bộ chuyển đổi nhiệt độ cảm biến kép.
- Chức năng đọc HART PV và đầu ra kỹ thuật số của bộ chuyển đổi thông minh đồng thời đo đầu ra mA analog.
- Đọc và ghi các cấu hình thiết bị HART để điều chỉnh tại hiện trường dải đo PV, thời gian hãm (damping) và các cài đặt cấu hình cấp cao khác.
- Thay đổi nhãn các bộ chuyển đổi thông minh bằng cách đọc và ghi vào trường thẻ HART tag.

Hỗ trợ giao thức HART linh hoạt

Nhà sản xuất	Thiết bị áp suất	Thiết bị nhiệt độ	Thiết bị Coriolis
ABB/Kent-Taylor	600T	658T ¹	

ABB/Hartmann & Braun	Contrans P ¹ , Dòng AS 800 Series	
Endress & Hauser	CERABAR S, CERABAR M, DELTABAR S	TMT 122 ¹ , TMT 182 ¹ , TMT 162 ¹
Foxboro Eckardt		TI/RTT20 ¹
Foxboro/Invensys	I/A Pressure	
Fuji	FCX FCXAZ	FRC
Honeywell	ST3000	STT25T ¹ , STT25H ¹
Micro Motion		2000 2000 IS 9701 9712 9739
Moore Products		344 ¹
Rosemount	1151 2088 3001C 3051, 3051S	3044C 644 3144 3244, 3144P
Siemens	SITRANS P DS SITRANS P ES	
SMAR	LD301	TT301 ¹
Viatran	I/A Pressure	
Wika	UNITRANS	T32H ¹
Yokogawa	EJA	YTA 110, 310 và 320

¹Điều chỉnh cảm biến (Sensor trim) không được hỗ trợ

754 hỗ trợ các lệnh có trong giao thức HART phiên bản 5.7. Với bộ nhớ 2 MB, 754 hỗ trợ nhiều lệnh HART như:

- Các lệnh chung cung cấp chức năng được áp dụng trong tất cả các thiết bị tại hiện trường, chẳng hạn như đọc nhà sản xuất và loại thiết bị, đọc biến chính (PV) hoặc đọc dòng điện đầu ra hoặc phần trăm biên độ.
- Các lệnh thường dùng chung cung cấp chức năng được áp dụng phổ biến cho nhiều nhưng không phải tất cả các thiết bị tại hiện trường, chẳng hạn như đọc nhiều biến, đặt thời gian hãm (damping) hoặc thực hiện kiểm tra vòng lặp (loop test).
- Các lệnh cụ thể theo thiết bị cung cấp chức năng duy nhất cho mỗi thiết bị cụ thể tại hiện trường, chẳng hạn như điều chỉnh cảm biến (sensore trim).

Các chế độ hoạt động của HART được hỗ trợ

- Hoạt động từng điểm Point to Point, chế độ được sử dụng phổ biến nhất, kết nối 754 với một thiết bị HART trong vòng lặp 4-20 mA.
- Trong chế độ đa điểm Multi-drop, một số thiết bị HART có thể nối với nhau. 754 tìm kiếm, xác định từng địa chỉ đang sử dụng và cho phép bạn chọn thiết bị để thực hiện hiệu chuẩn và các hoạt động liên quan.
- Trong chế độ truyền liên tục, thiết bị HART truyền các nhóm dữ liệu mà không cần chờ yêu cầu bởi một thiết bị chủ (master). 754 có thể đưa bộ chuyển đổi ra khỏi chế độ truyền liên tục trong khi kiểm tra hoặc hiệu chuẩn, sau đó khôi phục bộ chuyển đổi về chế độ truyền liên tục.

Mô-đun áp suất

Đáp ứng hầu như mọi ứng dụng áp suất như áp suất so với khí quyển (gauge), chênh áp, kép (phức hợp), tuyệt đối và

chân không.

- Hiển thị giá trị áp suất theo bất kỳ đơn vị nào trong số 10 đơn vị áp suất khác nhau mà bạn chỉ định khi thiết lập thiết bị hiệu chuẩn.
- Vỏ đúc bằng uretan chắc chắn sẽ bảo vệ các mô-đun khỏi các va đập mạnh và điều kiện khắc nghiệt
- Có tính năng đặc biệt bù nhiệt độ bên trong từ 0° đến 50° C để đạt hiệu suất độ chính xác tối đa.
- Bao gồm chứng nhận hiệu chuẩn truy nguyên của NIST (traceable calibration certificate).
- Các mô-đun có thể được hiệu chuẩn tại cơ sở, giúp kiểm soát chi phí.

Một nhóm gồm 29 mô-đun áp suất tùy chọn cung cấp khả năng đo và hiệu chuẩn áp suất đầy đủ. Có sẵn hai mươi tám mô-đun với thông số kỹ thuật về độ chính xác cơ bản đến 0,05%. Dải đo bắt đầu từ 0 — 1 inch nước (0 — 0,25kPa) và lên đến 0 — 10.000 psi (0 — 70.000 kPa). Thông tin thêm về các mô-đun áp suất hiện có trên trang chủ Mô-đun Áp suất.

Quy trình tự động

Cho phép bạn thiết lập nhanh các quy trình hiệu chuẩn tự động, mạnh mẽ cho các bộ chuyển đổi tuyến tính, bộ chuyển đổi lưu lượng DP và các công tắc giới hạn một hay hai điểm. Chỉ cần chọn các chức năng đo và/hoặc phát tín hiệu thích hợp, sau đó điền vào mẫu quy trình. Máy hiệu chuẩn 750 Series sẽ làm phần còn lại. Thiết bị này nhanh chóng thực hiện quy trình trình đo, tính toán sai số và hiển thị kết quả cuối cùng, chỉ rõ các điểm ngoài dung sai cho phép.

Đơn vị tùy chỉnh

Cho phép bạn dịch một đơn vị này sang một đơn vị khác, chẳng hạn như từ mV sang °C hoặc °F. Cho phép bạn sử dụng dòng Fluke 750 Series với các phụ kiện đầu ra mV như đầu dò nhiệt độ Fluke 80T-IR và ghi nhận quy trình với đơn vị không được hỗ trợ như phần triệu hoặc vòng trên phút.

Giá trị do người dùng nhập

Cho phép kỹ thuật viên nhập kết quả hiệu chuẩn được phát nguồn và/hoặc đo bởi thiết bị khác như đồng hồ bằng hoặc thiết bị loại hiển thị.

Hiệu chuẩn công tắc giới hạn

Các quy trình thực hiện hiệu chuẩn nhanh, tự động các công tắc giới hạn một hay hai điểm cho điện áp, dòng điện, nhiệt độ và áp suất.

Hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng dùng áp suất chênh áp

Các quy trình sử dụng hàm căn bậc hai để trực tiếp hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng loại chênh áp.

Các đặc điểm bổ sung

Đa năng

Hiệu chuẩn nhiệt độ, áp suất, điện áp, dòng điện, điện trở và tần số. Vì thiết bị này vừa đo vừa phát nguồn, bạn có thể khắc phục vấn đề và hiệu chuẩn tất cả chỉ bằng một máy hiệu chuẩn đa dụng bền chắc.

Mạnh mẽ lại để sử dụng

Giao diện phím bấm menu điều khiển dễ theo dõi sẽ hướng dẫn bạn qua bất kỳ tác vụ nào. Làm việc nhanh chóng theo phút chứ không phải theo ngày. Các quy trình hiệu chuẩn có thể lập trình cho phép bạn tạo và chạy quy trình trước/sau (as-found/as-left) tự động để đảm bảo hiệu chuẩn nhanh và đồng nhất.

Lưu trữ và ghi tài liệu kết quả

Để hỗ trợ các tiêu chuẩn ISO-9000 hoặc tiêu chuẩn quản lý, Fluke 754 ghi lại kết quả hiệu chuẩn của bạn, loại bỏ việc phải mang theo bút và giấy đến hiện trường. Cổng giao tiếp USB cho phép bạn truyền kết quả sang máy tính, giúp tiết

kiệm thời gian phải nhập số liệu khi bạn trở lại xưởng.

Thiết bị cầm tay thật sự

Đủ nhỏ để dễ dàng cho vào túi dụng cụ và sử dụng trong không gian chật hẹp. Hoạt động trong toàn ca làm việc với bộ pin sạc Li-ion.

Mạnh mẽ và đáng tin cậy

Dựa vào thiết kế bền chắc của Fluke để mang lại độ chính xác và độ tin cậy cao nhất trong môi trường khắc nghiệt. Vỏ máy bằng uretan đúc chịu được các thao tác mạnh trong môi trường công nghiệp.

Màn hình sáng rõ

Cho phép bạn đọc kết quả trong bất kỳ điều kiện ánh sáng nào. Đèn nền có ba (3) chế độ.

Phím mềm

Cung cấp quyền truy cập vào các chức năng nâng cao như danh sách tác vụ, quy trình tự động, chia thang đo, tối thiểu/tối đa, thay đổi giá trị theo bước hoặc dốc (stepping, ramping), và xem lại bộ nhớ chỉ với một nút bấm.

Ba chế độ hoạt động

Đo (Measure), phát nguồn hoặc mô phỏng (Source or simulate), hoặc đo/phát nguồn đồng thời (Measure/Source), - cho phép kỹ thuật viên khắc phục sự cố, hiệu chuẩn hoặc bảo trì hệ thống đo chỉ bằng một thiết bị.

Giao diện đa ngôn ngữ

Hiển thị hướng dẫn bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý.

Máy tính đại số tích hợp

Với bốn chức năng-và căn bậc hai-lưu trữ, gọi lại và thực hiện phép tính cần thiết để cài đặt thiết bị hoặc đánh giá dữ liệu tại hiện trường. Dùng nó để đặt phát nguồn ở một giá trị đã tính. Không cần phải mang theo bút chì và giấy hoặc máy tính riêng.

Thời gian trễ (delay) lập trình được

Trong các quy trình tự động cho phép hiệu chuẩn các thiết bị phản ứng chậm.

Tổng quan sản phẩm: Máy hiệu chuẩn đa năng ghi dữ liệu Fluke 754 Hart

Bạn sẽ thích những điều chúng tôi đã bổ sung cho thiết bị hiệu chuẩn của bạn.

754 là mọi thứ bạn cần và mong muốn trong 744 và hơn thế nữa! Khả năng giao tiếp của HART được kết hợp để cung cấp thiết bị hiệu chuẩn giao tiếp tích hợp. Dụng cụ mạnh mẽ và đáng tin cậy này rất lý tưởng để hiệu chuẩn, bảo trì và khắc phục vấn đề của hệ thống đo HART và các loại khác.

754 thực hiện công việc của nhiều thiết bị - phát tín hiệu, mô phỏng và đo áp suất, nhiệt độ và tín hiệu điện với chỉ một thiết bị cầm tay bền chắc. Bạn sẽ thích màn hình hiển thị mới nâng cấp, pin Li-ion có thời lượng dài hơn, cổng USB và các phụ kiện mới để hoàn thiện gói thiết bị.

Đối với việc ghi tài liệu, 754 tự động hóa các quy trình hiệu chuẩn và ghi lại dữ liệu của bạn. Và tất nhiên, thiết bị này

giúp bạn đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt như quy định của ISO 9000, FDA, EPA và OSHA.

Hỗ trợ phần mềm quản lý hiệu chuẩn phổ biến. 753 và 754, 743 và 744 hoạt động với phần mềm [DPC/TRACK2™](#) của Fluke và các chương trình phổ biến của Honeywell Meridium, Emerson, Cornerstone, Yokogawa, Prime Technologies, Intergraph và các nhà sản xuất khác. Nó cho phép bạn tạo quy trình, hướng dẫn và danh sách hành động để mang lại khả năng lập tài liệu nhanh chóng và dễ dàng.

Thiết bị hiệu chuẩn quá trình lập tài liệu với HART (Documenting Process Calibrator) Fluke 754: Làm việc thông minh hơn. Làm việc nhanh hơn.

753 và 754, 743 và 744 hoạt động với phần mềm của Fluke và các chương trình phổ biến của Honeywell Meridium, Emerson, Cornerstone, Yokogawa, Prime Technologies, Intergraph và các nhà sản xuất khác. Nó cho phép bạn tạo quy trình, hướng dẫn và danh sách hành động để mang lại khả năng lập tài liệu nhanh chóng và dễ dàng.

Thông số kỹ thuật: Máy hiệu chuẩn đa năng ghi dữ liệu Fluke 754 Hart

Độ chính xác đo				
Điện áp một chiều		1 năm	2 năm	
	100,000 mV	0,02%+0,005 mV	0,03%+0,005 mV	
	3,00000 V	0,02%+0,00005 V	0,03%+0,00005 V	
	30,0000 V	0,02%+0,0005 V	0,03%+0,0005 V	
	300,00 V	0,05%+0,05 V	0,07%+0,05 V	
Điện áp xoay chiều	Dải đo 40 đến 500 Hz	Độ phân giải	1 năm	2 năm
	3,000 V	0,001 V	0,5%+0,002 V	1,0%+0,004 V
	30,00 V	0,01 V	0,5%+0,02 V	1,0%+0,04 V
	300,0 V	0,1 V	0,5%+0,2 V	1,0%+0,2 V
Dòng điện một chiều		1 năm	2 năm	
	30,000 mA	0,01% + 5 uA	0,015%+7 uA	
	110,00 mA	0,01% + 20 uA	0,015%+30 uA	
Điện trở		1 năm	2 năm	
	10,000 Ω	0,05% + 50 mΩ	0,07%+70 mΩ	
	100,00 Ω	0,05% + 50 mΩ	0,07%+70 mΩ	
	1,0000 kΩ	0,05% + 500 mΩ	0,07%+0,5 Ω	
	10,000 kΩ	0,1% + 10 Ω	0,15%+15 Ω	

Tần số		Độ phân giải	Độ chính xác (2 năm)
	Từ 1,00 đến 110,00 Hz	0,01 Hz	0,05 Hz
	Từ 110,1 đến 1100,0 Hz	0,1 Hz	0,5 Hz
	Từ 1,101 đến 11,000 kHz	0,001 kHz	0,005 kHz
	Từ 11,01 đến 50,00 kHz	0,01 kHz	0,05 kHz

Độ chính xác phát nguồn (Source)

Điện áp một chiều		1 năm	2 năm
	100,000 mV	0,01%+0,005 mV	0,015%+0,005 mV
	1,00000 V	0,01%+0,00005 V	0,015%+0,0005 V
	15,0000 V	0,01%+0,0005 V	0,015%+0,0005 V
Dòng điện một chiều		1 năm	2 năm
	22,000 mA (Nguồn)	0,01%+ 0,003 mA	0,02%+ 0,003 mA
	Điểm thoát dòng (Current sink - Simulate)	0,02% + 0,007 mA	0,04% + 0,007 mA
Điện trở		1 năm	2 năm
	10.000 Ω	0,01% + 10 mΩ	0,015% + 15 mΩ
	100,00 Ω	0,01% + 20 mΩ	0,015% + 30 mΩ
	1,0000 kΩ	0,02% + 0,2 Ω	0,03% + 0,3 Ω
	10,000 kΩ	0,02% + 3 Ω	0,03% + 5 Ω
Tần số		2 năm	
	Từ 0,1 đến 10,99 Hz	0,01 Hz	
	Từ 0,01 đến 10,99 Hz	0,01 Hz	
	Từ 11,00 đến 109,99 Hz	0,1 Hz	
	Từ 110,0 đến 1099,9 Hz	0,1 Hz	
	Từ 1,100 đến 21,999 kHz	0,002 kHz	
	22,000 đến 50,000 kHz	0,005 kHz	

Thông số kỹ thuật

Chức năng ghi dữ liệu	Chức năng đo:	Điện áp, dòng điện, điện trở, tần số, nhiệt độ, áp suất
	Tốc độ đọc:	1, 2, 5, 10, 20, 30 hoặc 60 giá trị/phút
	Thời lượng ghi tối đa:	8000 số ghi (7980 cho 30 hoặc 60 số ghi/phút)

Chức năng thay đổi theo dốc (Ramp)	Chức năng phát nguồn:	Điện áp, dòng điện, điện trở, tần số, nhiệt độ
	Tốc độ:	4 bước/giây
	Phát hiện ngắt mạch:	Thông mạch hoặc điện áp (phát hiện thông mạch không khả dụng khi phát nguồn dòng điện)
Chức năng cấp nguồn cho mạch	Điện áp:	Tùy chọn, 26 V
	Độ chính xác:	10%, tối thiểu 18 V tại 22 mA
	Dòng điện tối đa:	25 mA, chống đoản mạch
	Điện áp đầu vào tối đa:	50 V DC
Chức năng thay đổi theo bước (Step)	Chức năng phát nguồn	Điện áp, dòng điện, điện trở, tần số, nhiệt độ
	Bước tùy chỉnh	Bước tùy chọn, thay đổi bằng các nút mũi tên
	Bước tự động	Có thể lập trình hoàn toàn cho hàm, độ trễ khởi động, giá trị bước, thời gian mỗi bước, lặp lại

Thông số kỹ thuật về môi trường

Nhiệt độ vận hành	-10 °C đến +50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C đến +60 °C
Chống chịu bụi/nước	Đáp ứng IP52, IEC 529
Độ cao vận hành	3000 m so với mực nước biển trung bình (9842 ft)

Thông số kỹ thuật an toàn

Chứng nhận của các tổ chức an toàn	CAN/CSA C22.2 số 1010.1-92, ASNI/ISA S82.01-1994, UL3111 và EN610-1:1993
------------------------------------	--

Thông số cơ & kỹ thuật chung

Kích thước	136 x 245 x 63 mm (5,4" x 9,6 x 2,5)
Khối lượng	1,2 kg (2,7 lb)
Pin	Bộ pin Li-ion trong: 7,2V, 4400mAh, 30 Wh

Thời lượng pin	>8 giờ thông thường
Thay pin	Thay pin mà không cần tháo mở thiết bị hiệu chuẩn; không cần bất cứ dụng cụ nào
Các kết nối cổng bên	Đầu nối mô-đun áp suất
	Đầu nối USB để lập cổng giao tiếp với máy tính của bạn
	Đầu nối thiết bị kỹ thuật số (HART)
	Kết nối cho bộ sạc/nguồn điện thay cho pin tùy chọn
Dung lượng lưu trữ dữ liệu	1 tuần kết quả hiệu chuẩn
Thông số kỹ thuật 90 ngày	Khoảng thời gian của thông số kỹ thuật chuẩn cho dòng 750 Series là từ 1 đến 2 năm.
	Độ chính xác phát nguồn và đo điển hình 90 ngày có thể ước tính bằng cách
	chia thông số kỹ thuật "% of reading" (giá trị đo) hoặc "% of output" (giá trị phát) của một năm cho 2.
	Thông số kỹ thuật sàn, biểu diễn bằng "% full scale" (toàn dải đo) hoặc
	"counts" hoặc "ohm" vẫn giữ nguyên.

Nhiệt độ, nhiệt điện trở (RTD)

Độ hoặc % số ghi

Loại (α)	Dải đo °C	Đo °C ¹		Phát nguồn dòng điện	Phát tín hiệu °C		Dòng điện cho phép ²
		1 năm	2 năm		1 năm	2 năm	
100 Ω Pt (385)	-200 đến 100 100 đến 800	0,07 °C 0,02 % + 0,05 °C	0,14 °C 0,04 % + 0,10 °C	1 mA	0,05 °C 0,0125 % + 0,04 °C	0,10 °C 0,025 % + 0,08 °C	0,1 mA đến 10 mA
200 Ω Pt (385)	-200 đến 100 100 đến 630	0,07 °C 0,02 % + 0,05 °C	0,14 °C 0,04 % + 0,10 °C	500 μ A	0,06 °C 0,017 % + 0,05 °C	0,12 °C 0,034 % + 0,10 °C	0,1 mA đến 1 mA
500 Ω Pt (385)	-200 đến 100 100 đến 630	0,07 °C 0,02 % + 0,05 °C	0,14 °C 0,04 % + 0,10 °C	250 μ A	0,06 °C 0,017 % + 0,05 °C	0,12 °C 0,034 % + 0,10 °C	0,1 mA đến 1 mA
1000 Ω Pt (385)	-200 đến 100 100 đến 630	0,07 °C 0,02 % + 0,05 °C	0,14 °C 0,04 % + 0,10 °C	150 μ A	0,06 °C 0,017 % + 0,05 °C	0,12 °C 0,034 % + 0,10 °C	0,1 mA đến 1 mA
100 Ω Pt (3916)	-200 đến 100 100 đến 630	0,07 °C 0,02 % + 0,05 °C	0,14 °C 0,04 % + 0,10 °C	1 mA	0,05 °C 0,0125 % + 0,04 °C	0,10 °C 0,025 % + 0,08 °C	0,1 mA đến 10 mA
100 Ω Pt (3926)	-200 đến 100 100 đến 630	0,08 °C 0,02 % + 0,06 °C	0,16 °C 0,04 % + 0,12 °C	1 mA	0,05 °C 0,0125 % + 0,04 °C	0,10 °C 0,025 % + 0,08 °C	0,1 mA đến 10 mA
10 Ω Cu (427)	-100 đến 260	0,2 °C	0,4 °C	3 mA	0,2 °C	0,4 °C	0,1 mA đến 10 mA
120 Ω Ni (672)	-80 đến 260	0,1 °C	0,2 °C	1 mA	0,04 °C	0,08 °C	0,1 mA đến 10 mA

¹Khi đo RTD từ hai đến ba dây, hãy cộng thêm 0,4°C vào thông số kỹ thuật.

²Hỗ trợ các bộ chuyển đổi có xung và PLC với thời gian xung ngắn tới 1 ms

Nhiệt độ, cặp nhiệt					
Loại	Phát tín hiệu °C	Đo độ °C		Phát tín hiệu °C	
		1 năm	2 năm	1 năm	2 năm
E	-250 đến -200	1.3	2	0.6	0.9
	-200 đến -100	0.5	0.8	0.3	0.4
	-100 đến 600	0.3	0.4	0.3	0.4
	600 đến 1000	0.4	0.6	0.2	0.3
N	-200 đến -100	1	1.5	0.6	0.9
	-100 đến 900	0.5	0.8	0.5	0.8
	900 đến 1300	0.6	0.9	0.3	0.4
J	-210 đến -100	0.6	0.9	0.3	0.4
	-100 đến 800	0.3	0.4	0.2	0.3
	800 đến 1200	0.5	0.8	0.3	0.3
K	-200 đến -100	0.7	1	0.4	0.6
	-100 đến 400	0.3	0.4	0.3	0.4
	400 đến 1200	0.5	0.8	0.3	0.4
	1200 đến 1372	0.7	1	0.3	0.4
T	-250 đến -200	1.7	2.5	0.9	1.4
	-200 đến 0	0.6	0.9	0.4	0.6
	0 đến 400	0.3	0.4	0.3	0.4
B	600 đến 800	1.3	2	1	1.5
	800 đến 1000	1	1.5	0.8	1.2
	1000 đến 1820	0.9	1.3	0.8	1.2
R	-20 đến 0	2.3	2.8	1.2	1.8
	0 đến 100	1.5	2.2	1.1	1.7
	100 đến 1767	1	1.5	0.9	1.4
S	-20 đến 0	2.3	2.8	1.2	1.8
	0 đến 200	1.5	2.1	1.1	1.7
	200 đến 1400	0.9	1.4	0.9	1.4
	1400 đến 1767	1.1	1.7	1	1.5
C	0 đến 800	0.6	0.9	0.6	0.9
	800 đến 1200	0.8	1.2	0.7	1
	1200 đến 1800	1.1	1.6	0.9	1.4

	1800 đến 2316	2	3	1.3	2
L	-200 đến -100	0.6	0.9	0.3	0.4
	-100 đến 800	0.3	0.4	0.2	0.3
	800 đến 900	0.5	0.8	0.2	0.3
U	-200 đến 0	0.6	0.9	0.4	0.6
	0 đến 600	0.3	0.4	0.3	0.4
BP	0 đến 1000	1	1.5	0.4	0.6
	1000 đến 2000	1.6	2.4	0.6	0.9
	2000 đến 2500	2	3	0.8	1.2
XK	-200 đến 300	0.2	0.3	0.2	0.5
	300 đến 800	0.4	0.6	0.3	0.6

Model

Fluke 754

Fluke 754 Documenting Process Calibrator-HART

Thiết bị hiệu chuẩn quá trình ghi dữ liệu-HART (Documenting Process Calibrator) bao gồm:

- Bộ sạc pin BC7240
 - Bộ pin Li-ion BP7240
 - Phần mềm mẫu DPCTrack 2™ Sample Software
 - Hướng dẫn sử dụng
 - Báo cáo hiệu chuẩn truy nguyên NIST và dữ liệu
 - Ba bộ đầu đo TP220 với ba bộ “kẹp cá sấu dài
 - Hai bộ kẹp móc AC280
 - Túi đựng mềm C799
 - Cáp kết nối USB, cáp kết nối Fluke 754HHC HART
-

Fluke. *Giữ cho thế giới của bạn. không ngừng vận động.*

Fluke Corporation
PO Box 9090, Everett, WA 98206 U.S.A.

For more information call:
In the U.S.A. (800) 443-5853
In Europe/M-East/Africa
+31 (0)40 267 5100
In Canada (905) 890-7600
From other countries +1 (425) 446-5500

Representative office of Fluke South East Asia Pte Ltd
C/O Danaher Vietnam
Green Power Tower, 11th Floor Unit 2
35 Ton Duc Thang Street, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam
Tel: +84-8-2220-5371 (ext 103)
Email: info.asean@fluke.com
www.fluke.com/vn
©2024 Fluke Corporation. Specifications subject to change without notice.
05/2024

Modification of this document is not permitted without written permission from Fluke Corporation.